

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2024.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Bé Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuyền;

2. Bà Lê Thị Tuyết Trinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhã Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 05 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Tuyết L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp NP, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Ông **Phan Tấn K**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp NP, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Liễu và ông K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2024 và bản tự khai ngày 16/5/2024, nguyên đơn bà Trương Tuyết L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông K có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 28/6/2011. Trong thời gian đầu, vợ chồng ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay bà L nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Tấn K.

Về con chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống giữa bà và ông K có 04 người con chung là Phan Hoàng K, sinh năm 2000; Phan Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 09/10/2006; Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 và Phan Thị Mỹ Nh, sinh ngày 27/10/2009. Hiện tại cháu Kiên đã lớn và đã trưởng thành, còn cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân thì đang sống chung với ông K. Bà L xác định do cháu Kiên đã lớn nên bà không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân thì tùy theo nguyện vọng của các cháu muốn theo ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2024, bị đơn ông Phan Tấn K trình bày: Bà L và ông K có làm đám cưới trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay vợ ông là bà Trương Tuyết L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông K xác định giữa ông và bà L có 04 người con chung là Phan Hoàng K, sinh năm 2000; Phan Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 09/10/2006; Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 và Phan Thị Mỹ Nh, sinh ngày 27/10/2009. Hiện tại cháu Kiên đã lớn và đã trưởng thành, còn cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân thì đang sống chung với ông K. Do cháu Kiên đã lớn nên ông không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân thì tùy theo nguyện vọng của các cháu muốn theo ai thì người đó nuôi và người còn lại không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Tuyết L được ly hôn ông Phan Tấn K.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 09/10/2006; Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 và cháu Phan Thị Mỹ Nh, sinh ngày 27/10/2009 cho ông Phan Tấn K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Trương Tuyết L không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trương Tuyết L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phan Tấn K và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp ly hôn và nuôi con là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phan Tấn K có nơi đăng ký thường trú tại ấp NP, xã NQA, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn bà Trương Tuyết L và bị đơn ông Phan Tấn K tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà L và ông K.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Tuyết L và ông Phan Tấn K có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 28/6/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, bà L và ông K đều xác định có xảy ra nhiều

mâu thuẫn, vợ chồng ông bà thường xuyên cự cãi và ông bà đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Nay Bà L yêu cầu được ly hôn với ông K. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do bà L và ông K đã sống ly thân với nhau. Đồng thời theo biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2024 thì ông K cũng đồng ý ly hôn với bà L. Mặc dù ông K đồng ý ly hôn với bà L nhưng khi tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án thì ông K vắng mặt nên không thể lập biên bản về việc ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa bà L và ông K để Tòa án ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông bà được nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử cho bà Trương Tuyết L được ly hôn ông Phan Tấn K.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông K xác định có 04 người con chung là cháu Phan Hoàng K, sinh năm 2000; cháu Phan Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 09/10/2006; Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 và Phan Thị Mỹ Nh, sinh ngày 27/10/2009. Hiện tại cháu Kiên đã lớn và đã trưởng thành, còn cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân thì đang sống chung với ông K. Bà L và ông K đều thống nhất xác định do cháu Kiên đã lớn nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân thì tùy theo nguyện vọng của các cháu muốn theo ai thì sẽ giao cho người đó nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân hiện đang sống ổn định với ông K, các cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định. Bên cạnh đó cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân cũng có nguyện vọng theo sống chung với ông K nên tiếp tục giao cháu Phan Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 09/10/2006; Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 và Phan Thị Mỹ Nh, sinh ngày 27/10/2009 cho ông K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông K không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Tiên, cháu Duyên và cháu Nhân nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Bà L và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Trương Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Tuyết L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Tuyết L được ly hôn ông Phan Tấn K.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phan Thị Mỹ Tiên, sinh ngày 09/10/2006; Phan Thị Mỹ D, sinh ngày 22/01/2015 và cháu Phan Thị Mỹ Nh, sinh ngày 27/10/2009 cho ông Phan Tấn K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Trương Tuyết L không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Tuyết L phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng bà L đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007667 ngày 16/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi

